

Số: **80** /2021/TT-BQP

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ.

2. Danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (chức danh) đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng thuộc diện cán bộ quản lý (sau đây viết gọn là cán bộ) và quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng không thuộc diện bố trí cán bộ (sau đây viết gọn là nhân viên) trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng và Chương V Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là đơn vị); cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Chuyển đổi vị trí công tác được áp dụng đối với cán bộ, nhân viên không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý ở các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ nghiệp vụ các ngành Tòa án quân sự, Kiểm sát quân sự, thực hiện theo quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Người có chức vụ, quyền hạn*, là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong đơn vị thuộc Quân đội nhân dân;

b) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong đơn vị;

d) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. *Người quản lý doanh nghiệp*, là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. *Người thôi giữ chức vụ*, là người có chức vụ, quyền hạn về một trong các lĩnh vực quy định tại Điều 6 Thông tư này theo quy định của pháp luật, được cấp có thẩm quyền giải quyết chế độ nghỉ hưu, phục viên, chuyển ra khỏi đơn vị Quân đội, thôi việc hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện quy định thời hạn đối với người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ tuân thủ theo các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, chính ủy, chính trị viên (bí thư) và người chỉ huy các cấp. Chuyển đổi vị trí công tác tiến hành thường xuyên theo kế hoạch, được công bố công khai trong nội bộ đơn vị.

3. Quá trình thực hiện chuyển đổi vị trí công tác phải khách quan, công tâm, minh bạch, khoa học và phù hợp với nhóm ngành chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị; chống biểu hiện lợi dụng, tiêu cực bè phái, chủ nghĩa cá nhân gây mất đoàn kết nội bộ.

4. Khi thực hiện chuyển đổi vị trí công tác không làm tăng, giảm biên chế của đơn vị.

5. Đối với cán bộ giữ chức vụ chỉ huy quản lý, việc chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong Quy chế lãnh đạo công tác cán bộ và Quy định về luân chuyển và điều động thực tế cán bộ của Quân ủy Trung ương.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên trái với nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách.

2. Chuyển đổi vị trí công tác những cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh có cấp bậc quân hàm cao xuống chức danh có cấp bậc quân hàm thấp; cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ có trình độ cao xuống chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ thấp và ngược lại, nhằm mục đích nâng loại (ngạch) hoặc hạ loại (ngạch) lương.

3. Lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác vì mục đích vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, nhân viên.

Chương II

LĨNH VỰC, THỜI HẠN NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG QUÂN ĐỘI KHÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, GIỮ CHỨC DANH, CHỨC VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN, CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY HỢP DANH, HỢP TÁC XÃ THUỘC LĨNH VỰC TRƯỚC ĐÂY MÌNH CÓ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ SAU KHI THÔI GIỮ CHỨC VỤ

Điều 6. Các lĩnh vực

Người có chức vụ, quyền hạn quy định tại Điều này là người trực tiếp thực hiện công việc tại đơn vị cấp lữ đoàn và tương đương trở lên, thuộc các lĩnh vực:

1. Kế hoạch và đầu tư, tài chính, kinh tế, trang bị, vật tư, hậu cần, kỹ thuật;
2. Thanh tra quốc phòng;
3. Quản lý nghiên cứu đề tài khoa học;
4. Quản lý ngân hàng trong Quân đội;
5. Quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng thành lập hoặc được giao quản lý; người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 7. Thời hạn

1. Trong thời gian 12 tháng, kể từ khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội

công tác thuộc lĩnh vực được quy định tại Điều 6 Thông tư này không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.

2. Căn cứ đối tượng thuộc diện quản lý, Cơ quan cán bộ hoặc Cơ quan quân lực chủ trì, phối hợp với Cơ quan thanh tra cùng cấp xác định, tham mưu cho người có thẩm quyền việc áp dụng quy định tại Chương II Thông tư này và ghi trong quyết định thôi giữ chức vụ của người có chức vụ, quyền hạn.

Chương III

DANH MỤC, THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG CHUYÊN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC

Điều 8. Danh mục các nhóm ngành, ngành định kỳ chuyển đổi

1. Cán bộ thuộc nhóm ngành, ngành

a) Cán bộ tham mưu gồm các ngành: Quân số, chính sách, trang bị, tuyển sinh quân sự, vật chất huấn luyện từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên; cấp các loại văn bằng chứng chỉ, tuyển sinh, khảo thí đối với các học viện, nhà trường trong Quân đội;

b) Cán bộ chính trị gồm các ngành: Nhân sự, đào tạo, tuyển dụng, quản lý vật tư công tác đảng, công tác chính trị, thi đua khen thưởng, chính sách, bảo hiểm từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên;

c) Cán bộ hậu cần gồm các ngành: Xăng dầu, quân nhu, doanh trại, đầu tư xây dựng cơ bản từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên;

d) Cán bộ quân y đảm nhiệm các công việc: Cấp giấy chứng nhận hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Cục Quân y/TCHC. Thanh toán bảo hiểm y tế; giám sát cung ứng các loại thuốc, dược liệu, vật tư y tế của các bệnh viện trong Quân đội;

đ) Cán bộ tài chính đảm nhiệm các công việc: Kế hoạch ngân sách; quản lý ngân sách chi thường xuyên; quản lý ngân sách chi đầu tư; nghiên cứu chế độ quản lý, chế độ chính sách; kế toán; quản lý tài chính doanh nghiệp; quản lý giá; quản lý tài sản công, dự trữ quốc gia; quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

e) Cán bộ kỹ thuật gồm các ngành: Quản lý vật tư kỹ thuật từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên. Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện; đăng ký phương tiện; cấp, đăng ký, giấy phép điều khiển phương tiện đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

g) Cán bộ khối thanh tra, kiểm toán, điều tra, thi hành án, cửa khẩu thuộc các nhóm ngành, ngành: Thanh tra viên; kiểm toán viên; điều tra viên; trình sát viên; cảnh sát viên thuộc các lĩnh vực: Kinh tế, chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, chống tội phạm ma túy, tội phạm về môi trường và trật tự xã hội; thẩm tra viên thi hành án dân sự thuộc cơ quan quản lý thi hành án; cán bộ cửa khẩu;

h) Cán bộ thuộc các nhóm ngành, lĩnh vực kinh tế, kế hoạch và đầu tư đảm nhiệm các công việc: Quản lý doanh nghiệp; đấu thầu và quản lý đấu thầu; thẩm định các dự án.

2. Nhân viên thuộc nhóm ngành, ngành

a) Thủ kho, thống kê: Quân nhu, quân y, xăng dầu, doanh trại, trang thiết bị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

b) Nhân viên tài chính đảm nhiệm các công việc: Kế hoạch ngân sách; quản lý ngân sách chi thường xuyên; quản lý ngân sách chi đầu tư; nghiên cứu chế độ quản lý, chế độ chính sách; kế toán; quản lý tài chính doanh nghiệp; quản lý giá; quản lý tài sản công, dự trữ quốc gia; quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

c) Nhân viên chuyên môn nghiệp vụ các trạm cửa khẩu trên đất liền và cửa khẩu cảng. Quản giáo tại các trại giam, trại tạm giam.

Điều 9. Thời hạn định kỳ chuyển đổi

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là 05 năm (đủ 60 tháng) liên tục đối với cán bộ, nhân viên đơn vị Quân đội thuộc danh mục các nhóm ngành, ngành quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 10. Phương pháp, hình thức, thẩm quyền thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Phương pháp, hình thức định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

a) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng quyết định của cấp có thẩm quyền điều động (hoặc bổ nhiệm) từ đơn vị này sang đơn vị khác có cùng nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ;

b) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng quyết định, hoặc kế hoạch của cấp có thẩm quyền phân công, giao nhiệm vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cùng đơn vị, hoặc phân công nhiệm vụ theo đổi hướng địa bàn, đơn vị này sang theo đổi hướng địa bàn đơn vị khác, hoặc phân công thực hiện nhiệm vụ khác trong cùng nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ trong cùng đơn vị.

2. Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác

a) Đối với cán bộ: Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam của Quân ủy Trung ương;

b) Đối với nhân viên: Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công tác quân lực của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; quy chế lãnh đạo công tác quân lực của Đảng ủy các cấp.

Điều 11. Những trường hợp chưa hoặc không thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt

1. Chưa thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

a) Cán bộ, nhân viên đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật;

b) Cán bộ, nhân viên đang bị kiểm tra, thanh tra, xác minh chưa có kết luận; đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

c) Cán bộ, nhân viên đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; đang đi học tập trung 12 tháng trở lên; đang đi biệt phái;

d) Cán bộ, nhân viên nữ đang trong thời kỳ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; cán bộ, nhân viên nam phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ chết hoặc điều kiện khách quan khác.

2. Không thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, nhân viên có thời hạn công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

3. Đối với các đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục thuộc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác mà vị trí này có yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của đơn vị đó thì báo cáo với thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp quyết định. Đơn vị cấp trên trực tiếp tổng hợp lập kế hoạch chuyển đổi chung.

Điều 12. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác

1. Tháng 10 hằng năm, từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên, căn cứ vào danh mục vị trí công tác quy định tại Điều 8 Thông tư này, cơ quan làm công tác nhân sự (cán bộ, quân lực) tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị xây dựng kế hoạch, rà soát và bổ sung xác định từng chức danh cán bộ, nhân viên trong đơn vị thuộc diện định kỳ chuyển đổi năm tiếp theo, báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét phê duyệt và trình người chỉ huy có thẩm quyền ra quyết định.

2. Kế hoạch rà soát và bổ sung xác định từng chức danh cán bộ, nhân viên trong đơn vị thuộc diện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu; nội dung phải thể hiện đầy đủ danh sách các đối tượng thuộc diện chuyển đổi được quy định tại Điều 8 Thông tư này, vị trí công tác, thời gian đảm nhiệm (thời gian bắt đầu, thời gian đến khi rà soát), dự kiến đơn vị chuyển đến, trường hợp đến thời hạn chuyển đổi nhưng chưa thực hiện chuyển đổi nêu rõ lý do; biện pháp tổ chức thực hiện.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thông báo công khai cho cán bộ, nhân viên được chuyển đổi biết trước 30 (ba mươi) ngày bằng hình thức gặp trực tiếp thông báo hoặc gửi văn bản thông báo.

4. Thời gian bàn giao công việc của cán bộ, nhân viên chuyển đổi vị trí công tác không quá 10 (mười) ngày làm việc tính từ ngày nhận quyết định chuyển đổi vị trí công tác.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 và thay thế Thông tư số 30/2010/TT-BQP ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi chức danh đối với cán bộ, nhân viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây viết gọn là Thông tư số 30/2010/TT-BQP).

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp thuộc diện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được quy định tại Điều 8 Thông tư này đang được theo dõi, tính thời gian để chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BQP trước ngày

Thông tư này có hiệu lực, thì đơn vị có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, tính thời gian giữ vị trí công tác để rà soát, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo thời hạn quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

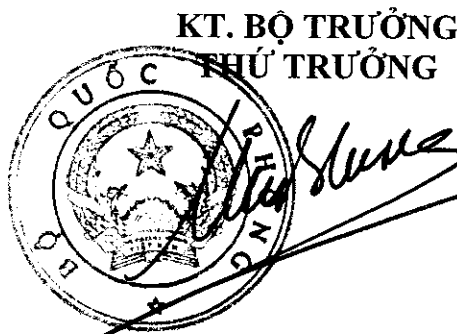
1. Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; kết hợp chặt chẽ, thống nhất giữa công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác chính sách trong quá trình thực hiện; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy định và kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý trong đơn vị.

2. Hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm các đơn vị tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên trong báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, gửi về Thanh tra Bộ Quốc phòng theo quy định chế độ báo cáo của Bộ Quốc phòng; đồng thời, gửi báo cáo về Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu và Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Thanh tra Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trong toàn quân việc thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (02b);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ủy ban Kiểm tra QUTW;
- Viện Kiểm sát QSTW, Tòa án QSTW;
- Cục Cán bộ/TCCT, Cục Quân lực/BTMM;
- Công Thông tin điện tử BQP;
- Văn phòng BQP: NCTH, THBD, Kiểm toán;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, TTr BQP.Tu95.



Thượng tướng Võ Minh Lương